

Bản án số: 44/2021/DS-ST

Ngày: 27/12/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Danh Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S; Trụ sở: Lầu 8, số 266-268 N, Phường ..., Quận ..., Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Hữu T, sinh năm 1993, chức vụ phó phòng giao dịch và ông Lê Ngọc N, sinh năm 1997 - Chuyên viên khách hàng (Theo văn bản ủy quyền số 87/GUQ – CNHN ngày 30/6/2021). Ông T và ông N có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh B, sinh năm 1957; Đăng ký nhân khẩu thường trú tại: K9 P... B, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú hiện nay: Số ... Ngõ 180 phố L, quận H, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/9/2011, Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là ngân hàng) và ông Trần Thanh B có ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của ông B ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông B với hạn mức là 200.000.000đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 465.724.056đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông B đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 588.836.273đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông B vẫn không có thiện chí trả nợ, ngày 26/01/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 27/12/2021 ông Trần Thanh B còn nợ các khoản sau: Số dư nợ gốc 67.154.706đồng, Lãi quá hạn 128.283.407đồng. Tổng cộng 195.438.113đồng. Mặc dù Ngân hàng thường xuyên đôn đốc, làm việc trực tiếp nhiều lần và yêu cầu ông Trần Thanh B thanh toán ngay khoản nợ quá hạn trên, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông B vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Do đó để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây: Buộc ông Trần Thanh B phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/12/2021 là 195.438.113đồng trong đó dư nợ gốc là 67.154.706đồng, lãi quá hạn là 128.283.407đồng. Và ông Trần Thanh B có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/12/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn là ông Trần Thanh B đã được tổng đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa để ông B biết những vấn đề cụ thể mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời triệu tập ông B đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, ông B không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do ông B không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo

quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Thanh B thanh toán toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 27/12/2021 là 195.438.113 đồng trong đó dư nợ gốc là 67.154.706 đồng, lãi quá hạn là 128.283.407 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông B thanh toán được toàn bộ khoản vay. Ông B vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đều vắng mặt, mọi văn bản tố tụng phải niêm yết theo quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, buộc ông Trần Thanh B trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 59.857.055 đồng, lãi trong hạn là 5.454.259 đồng và các loại phí là 1.843.392 đồng và tiền lãi quá hạn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với ông Trần Thanh B, đăng ký nhân khẩu thường trú: K... P... B, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội, nơi cư trú: Số ... Ngõ ... phố L, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn xét thấy:

[2.1]. Ngày 12/9/2011, Ngân hàng TMCP S cấp thẻ tín dụng cho ông Trần Thanh B với hạn mức là 200.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Hợp đồng tín dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này gọi chung là là Hợp đồng). Khách hàng bắt đầu thực hiện giao dịch từ tháng 10/2011. Xét việc hai bên xác lập hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 30/2016/TT-NHNN ngày 14/10/2016), nên hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm giao

kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết. Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông B trả số nợ gốc là 67.154.706đồng, lãi quá hạn là 128.283.407đồng, tổng cộng là 195.438.113đồng. Xét yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với quy định tại khoản 1.9 Điều 1 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng về xác định "số dư nợ", nhưng không phù hợp với quy định về "dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn" tại điểm a khoản 11 Điều 2 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước dẫn đến lãi chồng lãi. Do đó, căn cứ vào Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác nhận số nợ gốc mà ông Trần Thanh B còn nợ ngân hàng là 59.857.055đồng (kể từ thời điểm ông B không trả tiền gốc và lãi) và buộc ông Trần Thanh B trả số nợ gốc cho Ngân hàng TMCP S là 59.857.055đồng (*Năm mươi chín triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, không trăm năm mươi năm đồng*).

[2.2]. Đối với số tiền lãi trong hạn và các loại phí phát sinh trong thời gian thẻ tín dụng còn hiệu lực mà ông Trần Thanh B chưa trả, căn cứ vào Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016, điểm a khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, Điều 5 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Tòa án buộc ông Trần Thanh B phải trả Ngân hàng TMCP S số tiền lãi trong hạn là 5.454.259đồng và các loại phí là 1.843.392đồng.

[2.3]. Đối với số tiền lãi quá hạn, Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Trần Thanh B trả 128.283.407đồng. Tuy nhiên, do Ngân hàng chỉ được chấp nhận số nợ gốc là 59.857.055đồng. Theo Thông báo thay đổi lãi suất số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011, thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế áp dụng từ ngày 05/7/2011 là 2,15%/tháng. Do vậy lãi suất Tòa án xác định số tiền lãi quá hạn từ ngày 26/02/2017 đến ngày 27/12/2021 là: $59.857.055\text{đồng} \times 25,8\%/360\text{ngày} \times 150\% \times 1.741\text{ngày} = 112.026.967\text{đồng}$. Căn cứ vào Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm c khoản 4 Điều 13, Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trần Thanh B phải trả số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 27/12/2021 là 112.026.967đồng (*Một trăm mười hai triệu, không trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm sáu mươi bảy đồng*).

[3]. Từ những phân tích nhận định trên Hội đồng xét xử nhận thấy cần buộc ông Trần Thanh B phải trả cho nguyên đơn các khoản tiền còn nợ gốc là 59.857.055đồng, lãi và phí là: 119.324.618đồng. Tổng cộng: 179.181.673đồng ông Trần Thanh B phải tiếp tục trả khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa trả kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Đối với số tiền lãi ngân hàng yêu cầu không được chấp nhận là 16.256.440đồng. (*Mười sáu triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng*).

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần không được chấp nhận Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn sau khi trừ đi số tiền án phí nguyên đơn phải chịu.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc đòi ông Trần Thanh B trả số tiền nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký kết ngày 12/9/2011. Buộc ông Trần Thanh B trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần S các khoản tiền tính đến ngày 27 tháng 12 năm 2021 gồm: Nợ gốc là 59.857.055đồng; Lãi trong hạn 5.454.259đồng; tiền lãi quá hạn là 112.026.967đồng; các loại phí là 1.843.392đồng. Tổng cộng số tiền là: 179.181.673đồng (*Một trăm bảy mươi chín triệu, một trăm tám mươi một nghìn, sáu trăm bảy mươi ba đồng*).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 812.000đồng (*Tám trăm, mười hai nghìn đồng*), được trừ vào số tiền

3.100.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0011706 ngày 20/05/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, được hoàn trả lại 2.288.000đồng (*Hai triệu, hai trăm tám mươi tám đồng*) tạm ứng án phí. Ông Trần Thanh B phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.959.000đồng (*Tám triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng*).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Thanh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND Q. Hai Bà Trưng;
- Chi cục Thi hành án Q. Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

Phạm Văn Tiến

